

Bản án số: 28/2018/HS-ST
Ngày: 30-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Duy Tiêm và ông Đào Đình Phúc.

- Thư ký phiên tòa: ông: Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thạo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở TAND Thanh Miện xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2018/HSST ngày 06-4-2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/HSST- QĐXX ngày 03 tháng 5 năm 2018 đối với :

Bị cáo: AN VĂN C, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông An Văn H (đã chết) và bà Lưu Thị Q - Sinh năm 1965; Có vợ là Nguyễn Thị L - Sinh năm 1987 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 122/2017/HSPT ngày 15/12/2017 của TAND tỉnh Hải Dương xử phạt 05 tháng tù về tội Đánh bạc (đang được hoãn thi hành án).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

+ Chi cục thuế huyện T, tỉnh Hải Dương. *Người đại diện theo pháp luật:* Bà **Nguyễn Thị N** - Chi cục trưởng chi cục thuế huyện T (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1980 - ĐKKHKT: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương - (Vắng mặt)

- + Anh **Phạm Văn T**, sinh năm: 1985 - ĐKHKT: Xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương - (Có mặt)
- + Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1976 - ĐKHKT: Xã U, huyện N, tỉnh Hải Dương - (Vắng mặt)
- + Chị **Phạm Thị L**, sinh năm: 1970 - ĐKHKT: Đường 39B, thôn A, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương - (Vắng mặt)
- + Anh **Nguyễn Đắc H**, sinh năm: 1975 - ĐKHKT: Số 18, phố L, phường H, thành phố Hải Dương - (Có mặt)
- + Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1966 - ĐKHKT: thị trấn P, huyện Đ, TP. Hà Nội - (Vắng mặt)
- + Anh **Vũ Đức T**, sinh năm: 1976 - ĐKHKT: N8C4, ngõ 565, đường N, quận T, Hà Nội - (Vắng mặt)
- + Anh **Liu Xing P**, sinh năm: 1985 - ĐKHKT: Đội 8, xã N, huyện T, Hải Dương - (Vắng mặt)
- + Anh **Hách Thanh T**, sinh năm: 1968 - ĐKHKT: Phòng 601, tòa nhà OCT3D, khu đô thị R, quận T, Hà Nội - (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Doanh nghiệp tư nhân xây dựng và thương mại T(viết tắt là DNTN xây dựng và thương mại T) được đăng ký lần đầu ngày 09/01/2013, có mã số thuế và doanh nghiệp 0801015329, địa chỉ trụ sở chính: Đội 4, thôn C, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, do An Văn C là chủ doanh nghiệp. Ngày 29/7/2013 doanh nghiệp đã bị Cục thuế tỉnh Hải Dương đóng mã số thuế ở trạng thái 03 (*Bỏ địa chỉ kinh doanh*). Ngày 16/11/2013, An Văn C ký hợp đồng số 89/2013/HĐ-IHĐ để đặt in 06 quyển hóa đơn GTGT số lượng 300 số, từ số 0000001 đến số 0000300, mẫu số 01 GTKT3/001, ký hiệu hóa đơn: TA/13P với Doanh nghiệp tư nhân sản xuất, thương mại H, địa chỉ: Số 18, Lê Cảnh Tuân, Phường H, thành phố Hải Dương. Sau khi có hoá đơn giá trị gia tăng, An Văn C không thông báo phát hành đến Chi cục thuế huyện Thanh Miện, đồng thời sử dụng hoá đơn thanh toán cho một số doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Doanh nghiệp tư nhân xây dựng và thương mại T ký hợp đồng kinh tế số 01/2013/HĐKT ngày 01/9/2013 với Công ty TNHH MTV T, địa chỉ: Ngõ 11/4, Ngõ Gia Tự, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội. Sau khi ký kết, Công ty TNHH MTV T đã thanh toán cho doanh nghiệp của C số tiền 616.000.000 đồng. C đã xuất 24 số hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV T với tổng giá trị hàng hoá dịch vụ ghi trên 24 hoá đơn là 616.000.000 đồng. Gồm các số hoá đơn có mẫu số:

01GTKT3/001, ký hiệu: TA/13P **0000001, 0000003, 0000004, 0000006, 0000007, 0000008, 0000011, 0000012, 0000013, 0000014, 0000015, 0000018, 0000019, 0000020, 0000021, 0000023, 0000024, 0000025, 0000026, 0000027, 0000028, 0000029, 0000031, 0000032**. Khi sử dụng 24 số hóa đơn trên để kê khai, quyết toán thuế thì Công ty TNHH MTV T đã bị Cục thuế thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và truy thu thuế.

Ngày 01/10/2013, Doanh nghiệp tư nhân xây dựng và thương mại T (Bên B), ký hợp đồng số 0110/2013/HĐKT với Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng cầu đường D, địa chỉ: tầng 1+ 2 tòa nhà L - KCN Q, huyện M, thành phố Hà Nội (Bên A). Sau khi ký kết cả hai bên đều thực hiện hợp đồng. Bên A đã thanh toán cho bên B số tiền 72.002.700 đồng, An Văn C đã xuất 04 số hóa đơn GTGT cho Bên A với tổng số tiền ghi trên 04 hoá đơn GTGT là 72.002.700 đồng. Gồm các số hoá đơn có mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu: TA/13P **0000033, 0000034, 0000035, 0000036**. Khi sử dụng 04 số hóa đơn trên để kê khai, quyết toán thuế thì Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng cầu đường D đã bị Cục thuế Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và truy thu thuế.

Ngày 11/12/2013, Doanh nghiệp tư nhân xây dựng và thương mại T (Bên B) ký thỏa thuận thi công số: CGCD-GIETC/2013.12.11/HD-002 với Liên Danh C (Bên A), địa chỉ trụ sở chính xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên sau đó bên A phát hiện bên B thực hiện tiến độ, chất lượng thi công không đều, không phù hợp với quy định của hợp đồng, không có khả năng thực hiện hợp đồng, vì vậy ngày 07/8/2014, hai bên đã ký biên bản xác nhận khối lượng công việc mà bên B đã thực hiện trị giá: 72.295.869 đồng (Bảy mươi hai triệu hai trăm chín mươi năm nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng), bên A đã thanh toán số tiền trên cho bên B và bên B đã xuất 01 hóa đơn GTGT cho bên A với tổng giá trị hàng hoá ghi trên hoá đơn là 72.295.869 đồng. Số hoá đơn có mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu: TA/13P **0000041**. Khi phát hiện số hóa đơn trên là hóa đơn bất hợp pháp thì liên doanh CGCD-GIETC đã không kê khai, quyết toán thuế và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngày 05/4/2014, Doanh nghiệp tư nhân xây dựng và thương mại T (Bên B) ký hợp đồng kinh tế số 04/2014 HĐKT với Công ty Cổ phần xây dựng và Thương mại Đ, địa chỉ: phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi ký hợp đồng bên B đã không có khả năng thực hiện vì vậy hợp đồng đã bị hủy. Công ty Đ không nhận được bất kỳ hóa đơn, chứng từ nào từ An Văn C.

Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ A do An Văn C là chủ sở hữu-Giám đốc công ty, được thành lập ngày 03/05/2007, có mã số thuế 0800378249, địa chỉ trụ sở chính Đội 4, thôn C, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Ngày 31/3/2014, Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ A ký Hợp đồng số 03/2014/HĐTC/ĐS-AC và Hợp đồng số 04/2014/HĐTC/ĐS-AC với Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Đ, địa chỉ: phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Mặc dù biết công ty không được phép tự đặt in hoá đơn, nhưng để có hóa đơn GTGT giao khách hàng, ngày 25/4/2014, Công đã ký hợp đồng kinh tế số 28/2014/HĐ-IHĐ với Doanh nghiệp tư nhân sản xuất, thương mại H, địa chỉ: Số 18, Lê Cảnh Tuân, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương đặt in 02 quyển hóa đơn GTGT số lượng 100 số từ số 0000001 đến số 0000100, mẫu số 01 GTKT3/001, ký hiệu hóa đơn: AC/14P. Sau khi có hóa đơn, C không thông báo việc đặt in, phát hành hoá đơn đến Chi cục thuế huyện Thanh Miện nhưng đã xuất 02 số hóa đơn GTGT cho Công ty Cổ phần xây dựng và Thương mại Đ, cụ thể: hóa đơn số **0000002**, ngày phát hành 28/4/2014, tổng: 848.650.000 đồng (Tám trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và hóa đơn số **0000003**, ngày phát hành 28/5/2014 tổng: 808.500.000 đồng (Tám trăm linh tám triệu năm trăm nghìn đồng). Cả hai số hóa đơn trên có mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AC/14P, mã số người bán: 0800378249, mã số người mua: 0101928644, mặt hàng nhân công. Tổng trị giá của 02 số hóa đơn trên là: 1.657.150.000 đồng (Một tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn không trăm đồng); hóa đơn số **0000001** bị C viết hỏng. Tuy nhiên sau khi ký 02 hợp đồng trên thì Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ A đã không có khả năng thực hiện hợp đồng vì vậy hợp đồng đã bị hủy, C không chuyển hoá đơn nào cho Công ty Cổ phần xây dựng và Thương mại Đ.

Quá trình điều tra An Văn C tự nguyện giao nộp 08 quyển hoá đơn GTGT mẫu số 01/GTKT3/001 ký hiệu AC/14P gồm 100 số hoá đơn trong đó hoá đơn 0000001-0000003 đã sử dụng; 06 quyển hoá đơn GTGT mẫu số 01 GTKT3/001 ký hiệu TA/13P gồm 300 số hoá đơn trong đó số hoá đơn từ 0000001-0000041 đã sử dụng. An Văn Công khai đã viết hỏng **11** số hóa đơn (Gồm hoá đơn mẫu số 01GTKT3/001 ký hiệu: AC/14P số **0000001**; hoá đơn mẫu số 01GTKT3/001 ký hiệu TA/13P gồm các số **0000002, 0000005, 0000009, 0000010, 0000016, 0000017, 0000022, 0000030, 0000038, 0000040**) còn **04** số hóa đơn gồm hóa đơn số 0000002, ngày phát hành 28/4/2014, hóa đơn số 0000003, ngày phát hành 28/5/2014, có mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AC/14P, hóa đơn số 0000037, ngày phát hành 10/5/2014 và hóa đơn số 0000039, ngày phát hành 30/5/2014 có mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TA/13P. Cả 04 số hóa đơn trên An Văn C khai đã viết nhằm cho Công ty Cổ phần xây dựng và Thương mại Đ, mã số thuế 0101928644. Hiện cơ quan điều tra không quản lý được 04 số hoá đơn trên.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra quản lý 08 quyền hóa đơn GTGT, An Văn C đã sử dụng 44 số hóa đơn GTGT còn 356 số hóa đơn còn lại chưa sử dụng. Cơ quan điều tra đã thu giữ được 29 số hóa đơn GTGT (liên 2) mà An Văn C đã phát hành và tiến hành giám định hình dấu, chữ ký và giá trị thiệt hại về thuế của 29 số hóa đơn trên.

Tại bản kết luận giám định số 64 ngày 30/10/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương xác định hình dấu tròn có nội dung "Doanh nghiệp tư nhân xây dựng và thương mại T", hình dấu chức danh Giám đốc An Văn C do cùng một con dấu đóng ra và chữ ký trên 29 số hóa đơn trên là của cùng một người. Tại bản kết luận giám định tư pháp tài chính số 767/GĐTP-TC ngày 25/4/2016 của Sở tài chính tỉnh Hải Dương xác định giá trị thiệt hại về tiền thuế của 29 số hóa đơn là: 62.538.541 đồng (Sáu mươi hai triệu năm trăm ba mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi một đồng). Ngoài ra thuế thu nhập Doanh nghiệp của 02 doanh nghiệp (đã kê khai 28 số hóa đơn) bị truy thu do bị xuất toán giá trị mua hàng, không được tính chi phí hợp lý là: 156.366.040 đồng.

Tại bản cáo trạng số 18/VKS-HS ngày 03-4-2018, VKSND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo An Văn C về tội “Phát hành trái phép hóa đơn” theo điểm d khoản 2 Điều 164a của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, xác định bị VKSND huyện Thanh Miện truy tố về tội danh là đúng và đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo An Văn C phạm tội “Phát hành trái phép hóa đơn”. Áp dụng điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 203; khoản 3 Điều 7; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo An Văn C từ 12 đến 14 tháng tù, tổng hợp hình phạt 05 tháng tù tại bản án hình sự phúc thẩm số 122/2017/HSPT ngày 15/12/2017 của TAND tỉnh Hải Dương, buộc An Văn C phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 17 đến 19 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo An Văn C từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng nộp

vào Ngân sách Nhà nước. Về án phí, buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Điều tra viên và Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Miện; Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người làm chứng, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: An Văn C là Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ A (bị đóng mã số thuế ngày 29/7/2013) đồng thời An Văn C là chủ Doanh nghiệp tư nhân xây dựng và thương mại T (bị đóng mã số thuế ngày 01/11/2011). Cả hai doanh nghiệp đều có trụ sở chính tại thôn C, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi bị đóng mã số thuế, Công đã có hành vi đặt in hóa đơn nhằm phát hành tổng số 400 hóa đơn GTGT, trong đó đã sử dụng 44 hoá đơn GTGT (đã sử dụng 29 hoá đơn với tổng doanh thu ghi trên hoá đơn là 760.298.569 đồng, số tiền thuế GTGT ghi trên các hoá đơn là 62.538.541 đồng và 15 hoá đơn đã viết nội dung) cho Công ty TNHH MTV T; Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng cầu đường D; Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Đ và Liên doanh C.

Như vậy, việc phát hành hoá đơn không lập tờ thông báo phát hành; không gửi hoặc không niêm yết tờ thông báo phát hành hóa đơn theo đúng quy định pháp luật của bị cáo C đã cấu thành tội "Phát hành trái phép hoá đơn" theo quy định tại Điều 164a Bộ luật hình sự. Do bị cáo C đã đặt in 400 hoá đơn GTGT, trong đó đã sử dụng 44 hoá đơn GTGT (đã sử dụng 29 hoá đơn với tổng giá trị hàng hoá ghi trên hoá đơn là 760.298.569 đồng, với tổng thiệt hại tiền thuế GTGT ghi trên các hoá đơn là 62.538.541 đồng và 15 hoá đơn đã viết nội dung) là hoá đơn, chứng từ có số lượng rất lớn và đặc biệt lớn được hướng dẫn tại điểm a, b khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 10/2013 ngày 26/6/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Toà án nhân dân Tối cao, nên C phải chịu tình tiết định khung theo điểm d khoản 2

Điều 164a Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi năm 2009; như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực lý thuế của Nhà nước, đồng thời còn xâm hại đến đường lối phát triển kinh tế, xã hội và nguồn thu ngân sách của Nhà nước, gây mất trật tự xã hội nói chung. Vì vậy, cần phải có một mức án tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 0 giờ 00 phút, ngày 01-01-2018. Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung quy định về tội "Phát hành trái phép hoá đơn" có hình phạt nhẹ hơn, vì vậy theo quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi cho người phạm tội nên được áp dụng.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, do vậy phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và có bố để được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và Huy chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xét tính chất hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, cần buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội để chấp hành hình phạt tù mới đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[6] Tại bản án hình sự phúc thẩm số 122/2017/HSPT ngày 15/12/2017 của TAND tỉnh Hải Dương đã xử phạt bị cáo 05 tháng tù về tội “Đánh bạc”, song do cùng thời điểm bị cáo thực hiện hai tội khác nhau, hành vi bị phát hiện trước được xét xử sau, hành vi vi phạm pháp luật sau được xét xử trước nên lần phạm tội này chưa xác định là tái phạm. Do đến nay, bản án số 122/2017/HSPT ngày 15/12/2017 đã có hiệu lực pháp luật, xong bị cáo chưa thi hành nên cần tổng hợp hình phạt của bản án trên với hình phạt của bản án mới, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định.

[7] Đối với Doanh nghiệp tư nhân sản xuất, thương mại H đã in 400 hoá đơn cho An Văn C; Các Công ty TNHH MTV T; Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng cầu đường D; Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Đ và Liên doanh C đã sử dụng hoá đơn của hai doanh nghiệp do An Văn C làm chủ đều không biết việc

Công ty, Doanh nghiệp của An Văn C đã bị đóng mã số thuế và không được phép phát hành hoá đơn nên không đặt ra xử lý.

Chi cục thuế huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương không yêu cầu An Văn C phải nộp thuế, truy thu thuế và xác định C không gây thiệt hại cho nhà nước nên không yêu cầu, đề nghị gì. HĐXX không xác định Chi cục thuế huyện Thanh Miện là nguyên đơn dân sự trong vụ án.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hiện nay An Văn C không có thu nhập ổn định, bản thân là lao động chính trong gia đình, kinh tế khó khăn, do vậy phạt bị cáo Công phải nộp 10.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Công ty TNHH MTV T và Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng cầu đường D có thiệt hại do bị Chi cục thuế thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính và sử dụng hóa đơn trái phép và phải chi trả phần không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp. Liên doanh C bị thiệt hại do hóa đơn không hợp pháp nên không kê khai hoàn thuế. Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Đ chưa bị thiệt hại do hủy hợp đồng với An Văn C nên chưa thanh toán, chưa xuất hóa đơn.

Các doanh nghiệp nêu trên đều không yêu cầu An Văn C phải bồi thường thiệt hại về dân sự. Vì vậy, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 203; khoản 3 Điều 7; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự, Luật phí và lệ phí; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Tuyên bố: Bị cáo An Văn C phạm tội “Phát hành trái phép hóa đơn”.

- Xử phạt bị cáo An Văn C **12 (mười hai)** tháng tù, tổng hợp hình phạt 05 tháng tù tại bản án hình sự phúc thẩm số 122/2017/HSPT ngày 15/12/2017 của TAND tỉnh Hải Dương, buộc An Văn C phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **17 (mười bảy)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo An Văn C 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3- Về án phí: Buộc An Văn C phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo An Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện;
- Công an huyện Thanh Miện;
- Bị cáo;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Xuân Trường